

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QMS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QMS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QMS TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110900363

3. Ngày thành lập: 27/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ngách 5/25, Đường Quang Minh, Tổ 7, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0922707889

Fax:

Email: dien.qms@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (trừ hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm)	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Sản xuất giày, dép	1520
4.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (không hoạt động tại trụ sở)	1701
5.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (không hoạt động tại trụ sở)	1702
6.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất phong bì, bưu thiếp, hộp giấy, túi giấy, thùng giấy, bao bì giấy (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải)	1709
7.	In ấn	1811
8.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
9.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà ăn và các sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu như: bulông, đai ốc, ốc vít, cờ lê, mỏ lết, khóa, vòng đệm, đồ ngũ kim (không hoạt động tại trụ sở)	2599
12.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất băng keo các loại (không hoạt động tại trụ sở), Sản xuất màng PE (không hoạt động tại trụ sở)	3290

13.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
14.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
15.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
16.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
17.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở)	3530
18.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện	4321
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Dịch vụ sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí; Dịch vụ hàn và lắp đặt ống dẫn nước; Dịch vụ lắp ráp hệ thống khí đốt trong xây dựng (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh))	4322
20.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
21.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4513
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá tài sản	4610
24.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
25.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không hoạt động tại trụ sở)	4631
26.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
27.	Bán buôn đồ uống	4633
28.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
29.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép.	4641
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da hoặc giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. (trừ kinh doanh dược phẩm). (trừ vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí).	4649

31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy, chữa cháy, camera quan sát, thiết bị báo động - báo cháy, tổng đài điện thoại, thiết bị âm thanh, hệ thống kiểm soát dùng thẻ chấm công. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.	4652
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
34.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cận)	4661
35.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)	4662
36.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
37.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cận, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	4690
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
39.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
40.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
43.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
44.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

45.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
46.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
51.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
52.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
53.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
54.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
55.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
56.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá tài sản	4774
57.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
58.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
59.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu	4789
60.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá tài sản	4791
61.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá tài sản	4799
62.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4931
63.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

65.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không	5223
70.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, Bốc xếp hàng hóa đường bộ, Bốc xếp hàng hóa cảng biển, Bốc xếp hàng hóa cảng sông, Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, Bốc xếp hàng hóa loại khác	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.	5229(Chính)
73.	Bưu chính Chi tiết: Chuyển phát trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế	5310
74.	Chuyển phát	5320
75.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
76.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
77.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
78.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
79.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
80.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
81.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	6619
82.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, Hoạt động quản lý nhà, chung cư	6810

83.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý);	6820
84.	Cho thuê xe có động cơ	7710
85.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ cho thuê lại lao động)	7810
86.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
87.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
88.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LƯƠNG NGỌC ĐIỀN	Việt Nam	Tổ 16, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.200.000.000	40,000	034083017362	
2	LƯU HẢI DUY	Việt Nam	Số 7/217 Hàng Kênh, Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	900.000.000	30,000	031092000450	
3	NGÔ THỊ THANH HÀ	Việt Nam	Tổ 6, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	30,000	017184000896	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: LƯƠNG NGỌC ĐIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/02/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034083017362

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 16, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội